

Một số ứng xử mới về sự quan tâm giữa vợ và chồng ở gia đình Bắc Trung bộ và các yếu tố tác động

Nguyễn Hữu Minh

Viện Nghiên cứu Gia đình và Giới

Tóm tắt: Ứng xử giữa vợ và chồng là một khía cạnh trong hệ giá trị gia đình. Nó cho thấy cách mọi người nghĩ và thực hành về những gì họ cho là tốt đẹp trong biểu lộ tình cảm giữa vợ và chồng. Trên cơ sở khảo sát tại 6 phường/xã thuộc hai tỉnh Nghệ An và Hà Tĩnh, bài viết phân tích về một số hình thức ứng xử mới giữa vợ và chồng ở địa phương như tặng quà cho vợ/chồng vào dịp lễ, Tết; tổ chức mừng sinh nhật vợ/chồng; và tổ chức kỷ niệm ngày cưới. Kết quả cho thấy, có khoảng một phần tư số gia đình thực hành các ứng xử mới trong quan hệ giữa vợ và chồng, một phát hiện khá tương đồng với các nghiên cứu khác. Các giả thuyết về vai trò của yếu tố hiện đại hóa, kinh tế và văn hóa được kiểm chứng qua nghiên cứu. Nhìn chung, nam giới, nhóm trẻ tuổi, có học vấn cao, sống ở đô thị và có mức sống khá có nhiều khả năng thực hành các ứng xử mới hơn. Những người theo đạo Thiên chúa có nhiều khả năng thể hiện các ứng xử mới (được xem là du nhập từ văn hóa phương Tây) hơn những người không theo đạo.

Từ khoá: Gia đình; Quan hệ vợ chồng; Ứng xử; Lễ kỷ niệm.

1. Cách tiếp cận và phương pháp

Cách ứng xử, thể hiện sự quan tâm giữa vợ và chồng là một khía cạnh trong hệ giá trị gia đình. Nó cho thấy cách mọi người nghĩ và thực hành về những gì họ cho là tốt đẹp trong sự biểu lộ tình cảm giữa vợ và chồng. Ứng xử giữa vợ và chồng có thể đo lường qua các chỉ báo khác nhau như

cách thức người vợ và người chồng chăm sóc nhau trong cuộc sống hàng ngày cũng như thể hiện quan tâm trong những sự kiện lớn hơn như tặng quà nhau trong dịp lễ, Tết, tổ chức mừng sinh nhật, v.v. Trong số các ứng xử này, có hành vi vốn đã có trong truyền thống, chẳng hạn, việc chào nhau khi đi làm hay viết thư/báo tin về nhà lúc làm ăn xa. Cũng có những hình thức mới nảy sinh trong thời gian gần đây như việc tặng quà cho vợ hay chồng vào các dịp lễ, tết; việc tổ chức mừng sinh nhật vợ/chồng hay việc tổ chức kỷ niệm ngày cưới của hai người.

Các ứng xử thể hiện sự quan tâm giữa vợ và chồng, cho dù đã có từ truyền thống hay mới xuất hiện gần đây, đều biến đổi dưới tác động của nhiều yếu tố kinh tế-xã hội và văn hóa. Một ví dụ, trước đây, khi đi làm ăn xa các cặp vợ chồng vẫn coi những phong thư hay tin báo qua người làng, người xóm là cách thể hiện sự quan tâm về nhau. Các hình thức thông tin này có thể rất lâu mới đến được với người thân. Nhờ có sự tiến bộ về khoa học công nghệ cách thức biểu hiện sự quan tâm của các cặp vợ chồng hiện nay khi đi xa đã khác xưa. Họ có thể thông tin về nhau thường xuyên hơn qua việc gọi điện thoại hay viết thư điện tử.

Lý thuyết hiện đại hóa (Goode, 1982, Inglehart and Welzel, 2009) cho rằng cùng với sự phát triển kinh tế và công nghệ, hệ giá trị truyền thống sẽ thay đổi theo hướng hợp lý và cởi mở hơn, đồng thời sẽ phát sinh những giá trị mới. Những giá trị mới và truyền thống đã được thay đổi có thể song song tồn tại trong bối cảnh xã hội mới. Nhiều nghiên cứu đã xác nhận vai trò quan trọng của các yếu tố hiện đại hóa đối với sự biến đổi mạnh mẽ hệ giá trị hôn nhân và gia đình trên thế giới và ở Việt Nam (Hirschman, 1985; Freedman và cộng sự, 1994; Nguyễn Hữu Minh, 2009; Lê Ngọc Văn, 2011; Trần Thị Minh Thi, 2014; v.v.). Vận dụng lý thuyết hiện đại hóa vào việc phân tích các ứng xử mới về sự quan tâm giữa vợ và chồng có thể giả thuyết rằng các hành vi đó sẽ xuất hiện nhiều hơn ở các nhóm cá nhân có trình độ học vấn cao hơn, có nhiều điều kiện giao tiếp với cuộc sống hiện đại hơn (trẻ tuổi hơn, sống ở khu vực đô thị).

Tuy nhiên, sự tiếp nhận các hình thức ứng xử mới không thể hiện một cách tuyến tính theo sự biến đổi của các yếu tố hiện đại hóa mà còn tùy thuộc vào bối cảnh kinh tế - xã hội, bởi lẽ ứng xử trong quan hệ vợ chồng cũng có tính tương đối văn hóa. Những người sống ở khu vực nông thôn cho dù có trình độ học vấn cao nhưng mối quan hệ gia đình của họ vẫn chịu tác động bởi chuẩn mực chung của cộng đồng, do đó việc thực hành các ứng xử mới ở nông thôn được chờ đợi là chậm hơn ở khu vực đô thị. Chẳng hạn, phong tục Việt Nam truyền thống chú ý đến kỷ niệm ngày mất (giỗ) hơn là ngày sinh. Ý nghĩa của ngày giỗ là để nhắc nhở con cháu về những người đã đi trước, tưởng nhớ đến những người đã qua đời, đồng thời gắn kết tình cảm của các thành viên trong cùng một gia đình. Liên

quan đến ngày sinh, thông thường người ta chỉ tổ chức thượng thọ, đại thọ cho các cụ cao tuổi hoặc là làm chẵn năm, thôi nôi, đầy tháng cho các cháu bé. Việc tổ chức sinh nhật cho các đối tượng khác là một ứng xử mới được tiếp nhận từ văn hóa phương Tây, bắt đầu từ trong các gia đình Tây học và ở thành thị. Do đó, việc tổ chức sinh nhật cho người lớn ở nông thôn là vượt ra khỏi chuẩn mực cộng đồng, chịu áp lực cộng đồng nhiều hơn và tỷ lệ thực hành ứng xử này sẽ thấp hơn so với khu vực đô thị.

Một khía cạnh khác của yếu tố văn hóa là tôn giáo của người dân. Do các hình thức ứng xử mới này về nguồn gốc phần nhiều xuất phát từ các nước châu Âu, những người theo đạo Thiên chúa có thể được giả định là có khả năng tiếp nhận chúng cao hơn so với những người không theo đạo Thiên chúa, nếu các yếu tố khác là giống nhau.

Những hình thức thể hiện tình cảm nói trên giữa vợ và chồng cũng chịu tác động của các yếu tố kinh tế vì thông thường các hành động đó đòi hỏi thời gian, công sức và tiền bạc. Các cụ thường nói “phú quý sinh lễ nghĩa”, cuộc sống vật chất đầy đủ tạo ra đòi hỏi về những ứng xử mới và cung cấp đủ điều kiện để thực hiện những hình thức ứng xử mới đó. Vì vậy có thể giả định rằng những người sống trong gia đình có mức sống tốt hơn thì sẽ thực hiện thường xuyên hơn các hành vi ứng xử mới về sự quan tâm với vợ/chồng.

Một số kết quả nghiên cứu trong những năm gần đây ở Hà Nội, thành phố Hồ Chí Minh, tỉnh Vĩnh Phúc do Viện Nghiên cứu Gia đình và Giới tiến hành cho thấy những giả định lý thuyết nêu trên được xác nhận ở một mức độ nhất định. Xu hướng chung là các nhóm tuổi trẻ/hoặc mới kết hôn, học vấn cao, mức sống cao, sống ở khu vực đô thị thì mức độ xuất hiện các ứng xử mới là cao hơn (Lê Ngọc Văn và cộng sự, 2012; Nguyễn Hữu Minh và cộng sự, 2012). Tuy nhiên, điểm thiếu hụt ở các nghiên cứu này là chưa tách ra được vai trò của mỗi yếu tố tác động đến việc xuất hiện các ứng xử đó. Trong thực tế tác động của các yếu tố hòa trộn với nhau, chẳng hạn, những người trẻ lại có học vấn cao hơn, vì vậy tỷ lệ xuất hiện cao các ứng xử này có thể không phải do yếu tố trẻ tuổi mà là do tác động của trình độ học vấn. Việc sử dụng mô hình đa biến để xác định rõ ràng vai trò của từng yếu tố đối với việc thực hành các ứng xử mới là cần thiết.

Bài viết này tập trung phân tích về 3 hình thức ứng xử mới thể hiện sự quan tâm giữa vợ và chồng ở các gia đình vùng Bắc Trung bộ là: tặng quà cho vợ/chồng vào dịp lễ, Tết; tổ chức mừng sinh nhật vợ/chồng; và tổ chức kỷ niệm ngày cưới. Số liệu được thu thập tại 6 xã/phường thuộc hai tỉnh Nghệ An và Hà Tĩnh (phường Lê Mao thuộc thành phố Vinh, xã Quỳnh Thanh và Quỳnh Yên thuộc huyện Quỳnh Lưu, tỉnh Nghệ An; phường Đại Nài thuộc thành phố Hà Tĩnh, xã Tùng Ảnh và Đức Lạng thuộc huyện Đức

Thọ, tỉnh Hà Tĩnh). Mẫu khảo sát gồm 605 người, gồm 119 nam và 486 nữ, khu vực đô thị là 207 người, nông thôn là 398 người.

2. Kết quả phân tích

2.1. Tặng quà cho vợ/chồng vào những dịp lễ, Tết

Như đã nêu ở trên, việc tặng quà vào dịp lễ, Tết cho vợ-chồng không phải là một phong tục truyền thống của Việt Nam mà mới được du nhập từ khoảng vài thập niên qua. Điều đó không có nghĩa là vợ chồng người Việt Nam thiếu sự quan tâm đến nhau, chỉ đơn giản là cách thể hiện sự quan tâm của họ thường tế nhị, không phô bày ra ngoài. Kết quả nghiên cứu tại Nghệ An và Hà Tĩnh cũng cho thấy, xét trong 12 tháng qua, tỷ lệ có tặng quà vợ chồng vào dịp lễ, Tết không cao, chỉ có khoảng 19% thường xuyên tặng quà và 16% có tặng quà nhưng không thường xuyên (xem bảng 1).

Việc tặng quà có sự khác biệt đáng kể theo giới tính theo xu hướng nam giới có tỷ lệ tặng quà vợ thường xuyên cao hơn so với phụ nữ tặng chồng (35% so với 16%). Trong thực tế phụ nữ cũng chờ đợi những cử chỉ tặng quà từ nam giới hơn là ngược lại. Cũng cần thấy rằng ứng xử này không phải luôn có ngay từ khi lấy nhau, ở một số gia đình thì đó là sản phẩm của một quá trình hòa nhập với nhau. Nếu như nhiều năm trước đây người phụ nữ có thể bằng lòng với việc tận hưởng tình cảm tế nhị, không bộc lộ ra ngoài của chồng thì nay, với rất nhiều đổi thay về xã hội, họ mong muốn người chồng của mình thể hiện tình cảm một cách rõ ràng hơn. Một phụ nữ cho biết, đôi khi chị phải gợi ý để người chồng phải hiểu ra vấn đề này.

Ban đầu lấy nhau anh cũng không quan tâm lắm nhưng mà mình nhắc khéo: “Đến ngày 8/3, ngày 20/10, ngày sinh nhật em người ta thích con gà em không thích gà, ăn nhiều thì béo, người ta thích hoa tai nhưng mà em không thích, mà em thích một bó hoa tươi để trên bàn”. Thì bây giờ không những chồng mà cả anh con trai 18 tuổi đến những ngày đó, bố mua hoa thì con mua bánh cho mẹ. Mình cứ đấu tranh bên bỉ cái quyền lợi đó, giờ hàng năm đến ngày 8/3, ngày 20/10, ngày sinh nhật đều có hoa (Nữ, 40 tuổi, kinh doanh, đô thị).

Nhiều người nam giới cũng ý thức rõ về việc tặng quà cho vợ vào những ngày kỷ niệm. Chẳng hạn, một nam giới ở Nghệ An cho biết:

Ví dụ ngày phụ nữ, mình chỉ quan tâm mà không hành động thì không tin. Mình không mua bông hoa, không làm cái gì đó thì người ta không tin... Ngày của các bà thì nấu cho các bà cơm, mua bông hoa tặng các bà... Theo tôi thấy làm như vậy nó có tác động rất lớn tới đời sống của gia đình chứ... Vợ thấy chồng rất để ý đến ngày sinh của vợ hay ngày gì của phụ nữ thì họ rất phấn khởi, làm cho vợ chồng hạnh phúc hơn (Nam, nông dân, 50 tuổi).

Việc tặng quà vào dịp lễ, Tết có sự khác biệt theo lứa tuổi, xu hướng chung là nhóm tuổi từ 35 trở xuống có tỷ lệ tặng quà cho vợ - chồng thường xuyên hơn so với các nhóm tuổi cao hơn. Tuy nhiên, sự khác biệt bộc lộ chủ yếu giữa nhóm tuổi 23-35 với hai nhóm tuổi cao hơn, còn hai nhóm còn lại hầu như không có khác biệt đáng kể.

Yếu tố học vấn có mối quan hệ chặt chẽ nhất với tỷ lệ tặng quà cho vợ/chồng. Tuy nhiên, sự khác biệt rõ rệt chỉ thể hiện giữa nhóm có trình độ cao đẳng, đại học trở lên với các nhóm học vấn thấp hơn. Các nhóm có trình độ học vấn phổ thông không khác nhau nhiều về tỷ lệ tặng quà. Điều này phản ánh một thực tế là những người có trình độ học vấn từ cao đẳng, đại học trở lên có phạm vi giao tiếp rộng hơn, tiếp xúc với các nền văn hoá đa dạng hơn, vì vậy họ dễ tiếp nhận những cách thể hiện mới về sự quan tâm giữa vợ và chồng hơn.

Sự khác biệt giữa nhóm Thiên chúa giáo và không phải Thiên chúa giáo về việc tặng quà cho vợ/chồng không thể hiện rõ. Việc tặng quà cho vợ/chồng vào dịp lễ, Tết có liên hệ chặt chẽ với mức sống của người trả lời. Những người có mức sống cao hơn thì có xu hướng tặng quà thường xuyên hơn. Trong thực tế, tuy những món quà vào dịp này không phải lúc nào cũng tiêu tốn nhiều tiền nhưng cũng đòi hỏi một chi phí nhất định, ngoài ra còn phải dành thời gian và công sức tìm kiếm những món quà thích hợp. Vì vậy, gia đình có điều kiện kinh tế hơn cũng đồng nghĩa với họ có nhiều thời gian hơn để dành cho những hoạt động này.

Tỷ lệ có tặng quà thường xuyên cho vợ/chồng vào dịp lễ, Tết ở nhóm người sống ở khu vực đô thị cao hơn rõ rệt so với ở nông thôn (30,6% so với 13,4%)

Kết quả phân tích đa biến (xem bảng 1) cho thấy hầu hết những phát hiện từ phân tích hai biến về mối quan hệ giữa các yếu tố và việc tặng quà vào dịp lễ, Tết được xác nhận. Đối với yếu tố cộng đồng thì những người sống ở khu vực đô thị có nhiều khả năng hơn gấp 3 lần so với những người sống ở nông thôn thường xuyên tặng quà cho vợ/chồng. Mức sống gia đình cũng có tác động quan trọng. Những người sống trong gia đình có mức sống khá có nhiều khả năng thường xuyên tặng quà cho vợ/chồng hơn 2 lần so với người sống trong gia đình có mức sống dưới trung bình.

Đối với các yếu tố cá nhân, vai trò của giới tính, nhóm tuổi, học vấn đều rất nổi bật. Nam giới có nhiều khả năng tặng quà cho vợ gấp 3,7 lần so với việc phụ nữ tặng quà cho chồng. Khả năng những người ở nhóm cao đẳng, đại học trở lên thường xuyên tặng quà cho vợ/chồng cao hơn khoảng hơn 3 lần so với nhóm tiểu học, khoảng 5 lần so với nhóm trung học cơ sở và khoảng 2,5 lần so với nhóm học vấn trung học phổ thông. Nhóm tuổi trẻ (từ 35 trở xuống) có khả năng tặng quà cho vợ/chồng nhiều gấp đôi so với nhóm tuổi từ 46 trở lên.

Bảng 1. Các yếu tố có liên quan đến việc tặng quà cho vợ/chồng vào dịp lễ, Tết

Biến số độc lập	Mức độ tặng quà (%)			N	Phân tích đa biến	
	Thường xuyên (TX)	Không TX	Rất không TX		Tỷ số chênh lệch	N
Chung	19,3	15,9	64,8	602		601
Gới tính***						
Nam	34,5	12,6	52,9	119	3,6***	119
Nữ	15,5	16,8	67,7	483	1	482
Nhóm tuổi						
23-35	24,7	18,7	56,7	150	1,7*	150
36-45	17,3	15,0	67,7	294	1,2	293
46 trở lên	17,7	15,2	67,1	158	1	158
Trình độ học vấn***						
Tiểu học trở xuống	18,3	8,5	73,2	82	0,3**	82
Trung học cơ sở	10,8	15,5	73,7	232	0,2***	232
Trung học phổ thông	19,6	18,3	62,1	219	0,4**	219
Cao đẳng+	48,5	19,1	32,4	68	1	68
Tôn giáo						
Không theo đạo Thiên chúa	18,5	17,4	64,0	453	0,3***	452
Theo đạo Thiên chúa	21,5	11,4	67,1	149	1	149
Mức sống**						
Mức sống khá	27,7	24,1	48,2	83	2,0*	83
Mức sống trung bình	19,4	15,8	64,8	392	1,4	391
Mức sống dưới T.bình	13,4	11,0	75,6	127	1	127
Khu vực ở***						
Đô thị	30,6	19,4	50,0	206	3,0***	206
Nông thôn	13,4	14,1	72,5	396	1	395
R square					0,22	

Mức ý nghĩa thống kê: * P<0,1 ** P<0,05 *** P<0,001

Lưu ý: Các ký hiệu (*) ở cột 1 chỉ mức ý nghĩa thống kê của phân tích hai biến, ở cột 6 chỉ mức ý nghĩa thống kê của phân tích đa biến.

Riêng với yếu tố tôn giáo, khác với kết quả ở phân tích hai biến, sau khi kiểm soát cho các yếu tố khác trong mô hình, nhóm người theo đạo Thiên chúa có nhiều khả năng hơn rõ rệt (khoảng hơn 3 lần) so với người không theo đạo Thiên chúa trong việc thường xuyên tặng quà cho vợ/chồng. Những bài học giáo lý về hôn nhân và gia đình mà các tín đồ Thiên chúa giáo được tiếp thu trong đó nhấn mạnh đến các hình thức thể

hiện tình cảm giữa vợ và chồng có thể giải thích cho sự khác biệt này.

“Một năm là có 2 đợt (có thể 3 đợt nếu đông) của nhà thờ dành cho các đôi trước khi kết hôn, học xong cái khóa học này rồi thì mới ra ủy ban xin phép và tổ chức kết hôn ngày này ngày kia... Mỗi đợt tập trung từ 1 tháng đến 2 tháng, mỗi tuần học 3 ngày... Đây cũng là ôn lại thôi còn trước đó học giáo lý hôn nhân và gia đình là họ cũng biết rồi” (Nam, 34 tuổi, lãnh đạo xã nhiều đồng bào công giáo).

2.2. Mừng sinh nhật vợ - chồng

Tính chung chỉ có 28% người trả lời có tổ chức ăn mừng, tặng quà, tặng hoa trong ngày sinh nhật của vợ/chồng (xem bảng 2). Số liệu ở bảng 2 cũng cho thấy những khác biệt về tỷ lệ có mừng sinh nhật vợ/chồng theo các đặc điểm cộng đồng, gia đình và cá nhân. Tỷ lệ nam giới có hình thức thể hiện này cao hơn đáng kể so với nữ giới (35,3% so với 26,5%). Điều này cũng phù hợp với hình thức tặng quà cho vợ-chồng đã nêu trên rằng nam giới có xu hướng thể hiện hành vi này hơn vì nữ giới thường được coi là phía tiếp nhận, mong muốn được quan tâm chăm sóc một cách tình cảm. Một số phụ nữ được phỏng vấn đã bày tỏ sự cảm động khi được chồng hay con thể hiện tình cảm trong những ngày này.

Như năm ngoái sinh nhật 40 tuổi có một bó hoa 40 bông và một cái bánh. Con tặng mẹ, bố tặng mẹ. Con làm 4 cốc sữa chua đánh đá, còn bố đi chợ nấu ăn. Đó là cái rất nhỏ nhưng mà chị cảm thấy rất hạnh phúc (Nữ, 40 tuổi, kinh doanh, đô thị).

Xét theo lứa tuổi thì nhóm tuổi trẻ từ 35 trở xuống có tỷ lệ tổ chức mừng sinh nhật cao hơn rõ rệt so hai nhóm tuổi còn lại. Nếu như nhóm 23-35 tuổi có 42% tổ chức mừng sinh nhật cho vợ chồng thì với hai nhóm tuổi còn lại tỷ lệ có tổ chức mừng sinh nhật cho vợ-chồng chỉ có khoảng hơn 20%.

Trình độ học vấn càng cao thì tỷ lệ mừng sinh nhật cho vợ/chồng càng cao. Chẳng hạn, tính chung có 71% người trả lời ở trình độ cao đẳng, đại học trở lên có tổ chức sinh nhật vợ - chồng, trong khi tỷ lệ đó ở trình độ tiểu học là 12%, trung học cơ sở là 15% và trung học phổ thông là 36%.

Sự khác biệt giữa nhóm người theo đạo Thiên chúa và không theo đạo Thiên chúa cũng khá rõ ràng. Tỷ lệ những người không theo đạo có tổ chức mừng sinh nhật cao gấp đôi tỷ lệ những người theo đạo có tổ chức.

Mức sống gia đình càng cao thì tỷ lệ có tổ chức mừng sinh nhật càng cao. Có 51% người ở gia đình mức sống khá có tổ chức mừng sinh nhật vợ/chồng trong khi tỷ lệ ở gia đình mức sống dưới trung bình có tổ chức chỉ khoảng 10%. Sự khác biệt theo mức sống là dễ hiểu khi việc tổ chức mừng sinh nhật đòi hỏi một khoản kinh phí nhất định.

Yếu tố nơi ở thành thị hay nông thôn cũng có liên hệ mạnh với tỷ lệ có tổ chức mừng sinh nhật vợ/chồng. Có 46,9% người sống ở khu vực đô thị

Bảng 2. Các yếu tố có liên quan đến việc tổ chức mừng sinh nhật cho vợ/chồng

Biến số độc lập	Có tổ chức mừng sinh nhật		Phân tích đa biến	
	Tỷ lệ (%)	N	Tỷ số chênh lệch	N
Chung	28,3	605		604
Giới tính**				
Nam	35,3	119	1,9**	119
Nữ	26,5	486	1	485
Nhóm tuổi***				
23-35	42,0	150	2,9***	150
36-45	24,7	296	1,3	295
46 trở lên	22,0	159	1	159
Trình độ học vấn***				
Tiểu học trở xuống	12,2	82	0,2**	82
Trung học cơ sở	14,5	234	0,2***	234
Trung học phổ thông	35,5	220	0,4**	220
Cao đẳng+	70,6	68	2	68
Tôn giáo ***				
Không theo đạo Thiên chúa	32,3	455	0,9	454
Theo đạo Thiên chúa	16,0	150	1	150
Mức sống***				
Mức sống khá	50,6	83	5,3***	83
Mức sống trung bình	29,4	395	2,3**	394
Mức sống dưới T.bình	10,2	127	1	127
Khu vực ở***				
Đô thị	46,9	207	2,8***	207
Nông thôn	18,6	398	1	397
R square			0,31	

Mức ý nghĩa thống kê: * P<0,1 ** P<0,05 *** P<0,001

Lưu ý: Các ký hiệu (*) ở cột 1 chỉ mức ý nghĩa thống kê của phân tích hai biến, ở cột 4 chỉ mức ý nghĩa thống kê của phân tích đa biến.

có tổ chức mừng sinh nhật vợ/chồng, trong khi tỷ lệ tổ chức ở những người sống ở khu vực nông thôn chỉ có 18,6%.

Kết quả phân tích đa biến (bảng 2) cho thấy hầu hết các biến số đưa vào mô hình phân tích đều có mối quan hệ mạnh đối với khả năng tổ chức mừng sinh nhật vợ/chồng. Trước hết là đối với các yếu tố gia đình và cộng

đồng. Những người sống trong gia đình có mức sống khá có nhiều hơn 5 lần khả năng tổ chức sinh nhật và những người có mức sống trung bình cũng có nhiều hơn 2 lần khả năng tổ chức sinh nhật so với người sống trong gia đình có mức sống dưới trung bình. Những người sống ở khu vực đô thị có gần 3 lần nhiều hơn khả năng tổ chức mừng sinh nhật vợ/chồng so với người sống ở nông thôn.

Đối với các biến số liên quan đến đặc điểm cá nhân, trước hết có sự khác biệt về giới tính. Nam giới có nhiều hơn khoảng 2 lần khả năng tổ chức sinh nhật mừng vợ so với phụ nữ tổ chức sinh nhật mừng chồng. Nhóm tuổi từ 35 trở xuống có nhiều khả năng hơn gần 3 lần so với nhóm tuổi từ 46 trở lên và hơn gấp đôi khả năng so với nhóm tuổi 36-45 tổ chức mừng sinh nhật. Những người có trình độ cao đẳng, đại học trở lên có nhiều hơn khoảng 5 lần về việc tổ chức mừng sinh nhật vợ/chồng so với những người có trình độ tiểu học trở xuống, nhiều hơn khoảng gần 7 lần so với nhóm những người có trình độ trung học cơ sở và hơn 2 lần so với nhóm trung học phổ thông.

Khi tính đến tác động của tất cả các biến số khác, vai trò của yếu tố tôn giáo giảm đi. Sự khác biệt về khả năng tổ chức mừng sinh nhật vợ/chồng giữa nhóm người theo đạo Thiên chúa và không theo đạo Thiên chúa là không đáng kể.

2.3. Kỷ niệm ngày cưới

Số liệu ở bảng 3 trình bày về tỷ lệ chung các gia đình có kỷ niệm ngày cưới và phân bố theo các đặc điểm cộng đồng, gia đình và cá nhân. Tính chung chỉ có 26% người trả lời có kỷ niệm ngày cưới.

Khác với hai hình thức ứng xử có tính chất cá nhân nêu trên, việc kỷ niệm ngày cưới của hai vợ chồng có liên quan nhiều hơn đến sự thỏa thuận của hai người. Vì vậy khi phân tích chúng tôi thay biến số học vấn cá nhân bằng học vấn của hai vợ chồng theo cách là chọn học vấn cao hơn của một người làm học vấn chung của vợ chồng. Ngoài ra biến số giới tính không được đưa vào phân tích.

So sánh theo nhóm tuổi có thể thấy rằng nhóm tuổi từ 35 trở xuống có tỷ lệ kỷ niệm ngày cưới cao hơn rõ rệt so với hai nhóm tuổi lớn hơn. Tuy nhiên với hai nhóm tuổi còn lại thì sự khác biệt không rõ ràng. Điều này tiếp tục chứng tỏ các nhóm tuổi trẻ có sự thích ứng cao hơn với lối sống du nhập từ bên ngoài.

Học vấn của hai vợ chồng càng cao thì tỷ lệ có tổ chức kỷ niệm ngày cưới càng cao. Tỷ lệ có tổ chức kỷ niệm ngày cưới trong số các cặp có học vấn cao đẳng, đại học trở lên là 58%, trong khi đó tỷ lệ có tổ chức ở những người có trình độ trung học phổ thông là 28%, trung học cơ sở là 13% và tiểu học là 13%.

Kỷ niệm ngày cưới gắn liền với văn hóa phương Tây, và những người theo đạo Thiên chúa được chờ đợi là có tỷ lệ tổ chức kỷ niệm cao hơn so với những người không theo đạo Thiên chúa. Tuy nhiên số liệu ở phân tích hai biến lại cho thấy một kết quả ngược lại, cho dù sự khác biệt không lớn. Tính chung có 28% người không theo đạo Thiên chúa có tổ chức kỷ niệm, trong khi đó có 21% người theo đạo Thiên chúa tổ chức.

Khác biệt giữa các nhóm mức sống về việc tổ chức kỷ niệm ngày cưới là rất đáng kể. Tỷ lệ người trả lời ở gia đình có mức sống khá trở lên tổ chức kỷ niệm ngày cưới là gấp 2 lần so với tỷ lệ ở gia đình có mức sống trung bình và gấp 5 lần so với tỷ lệ ở gia đình có mức sống dưới trung bình.

Tương tự với các kết quả phân tích ở hai hành vi ứng xử về tặng quà và tổ chức mừng sinh nhật cho vợ/chồng, sự khác biệt về việc tổ chức kỷ niệm ngày cưới của những người sống ở khu vực đô thị và nông thôn cũng rất rõ ràng. Có 40% người sống ở khu vực đô thị có tổ chức mừng kỷ niệm ngày cưới, trong khi đó chỉ có gần 20% người sống ở khu vực nông thôn làm kỷ niệm.

Khi phân tích tác động đồng thời của tất cả các biến số, kết quả cho thấy rằng hai biến số mức sống và khu vực ở đều có ảnh hưởng mạnh đến khả năng tổ chức kỷ niệm ngày cưới của cặp vợ chồng (bảng 3). Những người có mức sống khá có nhiều hơn khoảng 7 lần khả năng tổ chức kỷ niệm ngày cưới so với người có mức sống dưới trung bình và hơn khoảng 3,5 lần khả năng tổ chức kỷ niệm ngày cưới so với người có mức sống trung bình. Những người sống ở đô thị có nhiều hơn khoảng 2 lần khả năng tổ chức kỷ niệm ngày cưới so với người sống ở nông thôn.

Trình độ học vấn chung của hai vợ chồng có tác động rất mạnh đến khả năng tổ chức kỷ niệm ngày cưới. Những cặp vợ chồng có trình độ cao đẳng, đại học trở lên có nhiều hơn khoảng 5 lần so với nhóm có trình độ tiểu học trở xuống, nhiều hơn khoảng 10 lần so với nhóm có trình độ trung học cơ sở và nhiều hơn khoảng 2,5 lần so với nhóm có trình độ trung học phổ thông về khả năng tổ chức kỷ niệm ngày cưới.

Sau khi tính đến tác động của tất cả các yếu tố, đặc biệt là yếu tố khu vực ở và trình độ học vấn, bản thân yếu tố nhóm tuổi không có tác động đáng kể đến khả năng tổ chức kỷ niệm ngày cưới. Khả năng tổ chức kỷ niệm ngày cưới của các nhóm tuổi là tương đương nhau.

Kết quả phân tích đa biến xác nhận trở lại giả thuyết về mối quan hệ chặt chẽ giữa yếu tố tôn giáo và khả năng tổ chức kỷ niệm ngày cưới. Những người theo đạo Thiên chúa có nhiều khả năng hơn khoảng 2,5 lần so với những người không theo đạo có tổ chức kỷ niệm ngày cưới. Như

Bảng 3. Các yếu tố có liên quan đến việc tổ chức kỷ niệm ngày cưới

Biến số độc lập	Có tổ chức kỷ niệm		Phân tích đa biến	
	Tỷ lệ (%)	N	Tỷ số chênh lệch	N
Chung	26,1	605		594
Nhóm tuổi*				
23-35	33,3	150	1,2	144
36-45	23,0	296	0,9	292
46 trở lên	25,2	159	1	158
Trình độ học vấn chung của hai vợ chồng***				
Tiểu học trở xuống	13,2	38	0,2**	38
Trung học cơ sở	12,6	191	0,1***	191
Trung học phổ thông	27,6	275	0,4**	275
Cao đẳng+	57,8	90	1	90
Tôn giáo *				
Không theo đạo Thiên chúa	27,7	455	0,4***	451
Theo đạo Thiên chúa	21,3	150	1	143
Mức sống***				
Mức sống khá	54,2	83	6,8***	83
Mức sống trung bình	25,1	395	1,9*	390
Mức sống dưới T.bình	11,0	127	1	121
Khu vực ở***				
Đô thị	40,1	207	2,2***	206
Nông thôn	18,8	398	1	388
R square			0,25	

Mức ý nghĩa thống kê: * P<0,1 ** P<0,05 *** P<0,001

Lưu ý: Các ký hiệu (*) ở cột 1 chỉ mức ý nghĩa thống kê của phân tích hai biến, ở cột 4 chỉ mức ý nghĩa thống kê của phân tích đa biến.

vậy bên cạnh ảnh hưởng của hiện đại hóa, yếu tố văn hóa được đo qua vai trò của biến số tôn giáo cũng rất quan trọng. Một lãnh đạo xã có nhiều đồng bào công giáo ở Nghệ An cho biết, nhà thờ thường tổ chức lễ Ngân Khánh để các cặp vợ chồng kỷ niệm 25 năm ngày cưới, khá quy mô cho nhiều gia đình. Với phong tục như vậy, nhiều gia đình cũng tự tổ chức vào năm lẻ, với quy mô nhỏ hơn.

Ngoài sự tác động của một số yếu tố cộng đồng, gia đình và cá nhân nêu trên, cần tính đến sự thay đổi chung về nhận thức và lối sống của cả xã hội dưới tác động của quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa mà

chúng ta không thể đo lường được qua các biến số đã nêu. Chẳng hạn, sự tham gia của người phụ nữ vào các hoạt động giải trí, văn hóa chung của cả gia đình tăng lên trong những năm qua, cách giao tiếp, nói năng giữa vợ và chồng cũng có thay đổi. Một nam nông dân cho biết:

Theo tôi thấy là thay đổi so với trước (cách biểu hiện tình cảm, quan tâm vợ-chồng). Như tôi cũng biết vợ sinh nhật ngày nọ tháng tê, hay vợ tôi biết chồng sinh nhật ngày nọ tháng tê, nhưng mà (trước đây) biểu hiện (sự quan tâm) ít. Nhưng giờ nó thành phong trào rồi. (...) gia đình ở đây không có điều kiện mời bạn bè nhưng vợ đi chợ mua thêm cái gì đó, (...) đến ngày sinh nhật của bố chẳng hạn con đi làm nó thường ở lại ăn trưa ở đó nhưng mẹ bảo hôm nay là sinh nhật của bố con về nhà ăn cơm với gia đình thì con nó cũng về ăn cơm... Phong trào thôi, các lớp trẻ đi làm ăn xa, một số đi làm ăn ở Sài Gòn, Hà Nội, họ đưa văn hoá ở thành phố về, chứ trước ở đây tổ chức sinh nhật không có (Nam, nông dân, 50 tuổi).

2.4. Những lý do không thực hiện thường xuyên các ứng xử mới về sự quan tâm vợ chồng

Có 3 lý do chính mà người trả lời nêu ra về việc họ không thường xuyên tặng quà cho vợ/chồng hay không tổ chức mừng sinh nhật, kỷ niệm ngày cưới: (i) không quen làm; (ii) coi việc đó là không phải phong tục Việt Nam; và (iii) do điều kiện kinh tế (xem bảng 4). Quy về những luận điểm lý thuyết đã nêu ở phần đầu thì các lý do này cũng thể hiện những khía cạnh về kinh tế, văn hoá hoặc hiện đại hoá. Nếu như lý do “không có điều kiện” thể hiện rõ nét nhất vai trò của yếu tố kinh tế thì các lý do còn lại là sự kết hợp giữa vai trò của yếu tố văn hoá và hiện đại hoá. Chẳng hạn, lý do “không quen” phản ánh khả năng tiếp nhận cái mới, gắn với vai trò của hiện đại hoá, trong khi đó lý do “không phải phong tục Việt Nam” gắn nhiều hơn với yếu tố văn hoá, coi đây là hình thức ứng xử bên ngoài.

Việc phân tích sâu hơn cho thấy ở cả 3 hình thức, đối với lý do “không quen” không có khác biệt nhiều giữa các nhóm xã hội, tuy nhiên với lý do “không có điều kiện” thì thể hiện rõ nhất là ở nhóm mức sống thấp (và liên quan đến nhóm này là nhóm trẻ tuổi, học vấn thấp, ở nông thôn). Đối với lý do “không phải phong tục Việt Nam” thì những người lớn tuổi và sống ở nông thôn, thường được coi là gắn bó hơn với truyền thống, nhấn mạnh nhiều hơn.

3. Thảo luận

Phân tích bước đầu ở 6 xã/phường thuộc hai tỉnh Nghệ An và Hà Tĩnh cho thấy một số hình thức ứng xử mới trong quan hệ vợ chồng đã được khoảng một phần tư các gia đình ở địa phương thực hiện. Điều thú vị là, cho dù mẫu và địa bàn nghiên cứu có khác nhau, tỷ lệ những người trả lời

Bảng 4. Tỷ lệ nêu lý do không thường xuyên thực hiện ứng xử mới (%)

Các lý do/ Hình thức ứng xử mới	Không quen	Không phải phong tục VN	Không có điều kiện	N
Tặng quà cho vợ/chồng vào các dịp ngày lễ, ngày Tết	38,2	26,2	34,1	390
Tổ chức (ăn mừng, tặng quà, tặng hoa...) trong ngày sinh nhật của vợ/chồng	34,3	28,1	40,8	434
Kỷ niệm ngày cưới của bản thân	32,9	26,0	43,6	447

có các ứng xử mới của quan hệ vợ chồng khá tương đồng với các nghiên cứu trước⁽¹⁾.

Kết quả nghiên cứu cho thấy mối quan hệ chặt chẽ giữa các yếu tố giới tính, nhóm tuổi, học vấn, mức sống, khu vực ở với các ứng xử mới về sự quan tâm giữa vợ và chồng. Nhìn chung, những người nam giới có mức độ thể hiện các ứng xử mới cao hơn so với nữ. Vai trò của các yếu tố đặc trưng cho hiện đại hoá thể hiện khá rõ. Những người trẻ tuổi, có học vấn cao, sống ở đô thị thì mức độ thể hiện các ứng xử mới trong quan hệ vợ chồng cao hơn. Ngoài ra, yếu tố kinh tế và văn hoá cũng có tác động mạnh đến việc xuất hiện các ứng xử mới trong quan hệ vợ chồng. Những người có mức sống khá có khả năng thực hiện các ứng xử mới nhiều hơn. Những người theo đạo Thiên chúa gân gủi hơn với các ứng xử mới trong quan hệ vợ chồng thông qua các bài học về giáo lý nên có nhiều khả năng thể hiện các hành vi đó hơn những người không theo đạo Thiên chúa. Như vậy, kết quả nghiên cứu đã xác nhận các giả thuyết về vai trò của các yếu tố hiện đại hoá, kinh tế và văn hoá đến việc hình thành các ứng xử mới của vợ và chồng.

Những biến số đưa vào mô hình phân tích chưa cho phép giải thích đầy đủ khả năng xuất hiện các ứng xử mới, mô hình tốt nhất cũng chỉ mới cho phép giải thích được 31% khả năng. Điều đó gợi ra rằng có một xu hướng chung về việc xuất hiện nhiều hơn các ứng xử mới trong quan hệ vợ chồng theo thời gian không phụ thuộc vào những đặc điểm cá nhân, gia đình và cộng đồng đã phân tích. Nói cách khác, vượt ra khỏi khuôn khổ các yếu tố cá nhân, gia đình và cộng đồng, cùng với sự hội nhập về kinh tế và văn hóa, có một xu hướng chung thay đổi nhận thức và hành vi ứng xử trong quan hệ vợ chồng theo cách cởi mở hơn, thể hiện được cái “tôi” nhiều hơn. Điều đó cho phép đưa ra giả thuyết về xu hướng xuất hiện với mức độ cao hơn các hình thức ứng xử mới này trong xã hội Việt Nam trong tương

lai.■

Chú thích

(1) Nghiên cứu của Lê Ngọc Văn và cộng sự tại Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh 2010 (phường Linh Xuân và khu công nghiệp Linh Trung, với 415 đại diện hộ gia đình) cho biết, trong cuộc sống vợ chồng: 29,2% thường xuyên tặng quà cho vợ/chồng ngày lễ, Tết; 27,8% thường xuyên tổ chức mừng sinh nhật vợ/chồng; 20% thường xuyên kỷ niệm ngày cưới hàng năm. Nghiên cứu của Lê Ngọc Văn và cộng sự tại Vĩnh Phúc 2011 (2 phường/xã, với 300 đại diện hộ gia đình) cho biết, trong cuộc sống vợ chồng: khoảng 26% thường xuyên tặng quà cho vợ/chồng; gần 30% thường xuyên tổ chức mừng sinh nhật vợ/chồng; 15,3% thường xuyên tổ chức kỷ niệm ngày cưới. Nghiên cứu của Viện Nghiên cứu Gia đình và Giới tại Hà Nội 2011 (24 xã/phường, với gần 1000 đại diện hộ gia đình) cho biết, trong 12 tháng trước cuộc khảo sát: khoảng 21% thường xuyên tặng quà cho vợ/chồng; 25,2% có tổ chức mừng sinh nhật vợ/chồng; 12,6% có tổ chức kỷ niệm ngày cưới.

Tài liệu trích dẫn

- Freedman, Ronald, Arland Thornton và Li-Shou Yang. 1994. ‘Determinants of co-residence in extended households’. In *Social change and the family in Taiwan*, edited by Arland Thornton and Hui-Sheng Lin, 335–58. Chicago: University of Chicago Press.
- Goode, William J. 1982. *The family*. Second Edition. Foundations of Modern Sociology Series. Englewood Cliffs: Prentice-Hall.
- Hirschman, Charles. 1985. “Premarital socioeconomic roles and the timing of family formation: A comparative study of five Asian societies”. *Demography* 22 (1): 35–59.
- Inglehart and Welzel. 2009. *Development and Democracy: What We Know about Modernization Today*. Foreign Affairs, March, 2009
- Lê Ngọc Văn. 2011. Lựa chọn hôn nhân ở nông thôn Việt Nam thời kỳ Đổi mới. Trong Trịnh Duy Luân, Helle Rystrom và Wil Burghoorn (chủ biên): *Gia đình nông thôn Việt Nam trong thời kỳ Đổi mới*. Nxb. Khoa học xã hội, trang 80-101.
- Lê Ngọc Văn và phòng Nghiên cứu Gia đình. 2012. Mối quan hệ vợ chồng trong gia đình Việt Nam hiện nay và căn cứ để củng cố mối quan hệ này trong giai đoạn 2011-2020. Báo cáo tổng hợp đề tài cấp Bộ 2011-2012.
- Nguyễn Hữu Minh. 2009. “Sống chung với gia đình chồng sau khi kết hôn ở nông thôn Việt Nam và các yếu tố tác động”. *Tạp chí Xã hội học*, Số 4 (108), trang 3–15.
- Nguyễn Hữu Minh, Lê Ngọc Văn, Ngô Thị Tuấn Dung, Lê Ngọc Lân, Nguyễn Thị Thanh Tâm, Đặng Bích Thủy, Trần Thị Cẩm Nhung. 2012. Tổng quan về xây dựng gia đình Việt Nam giai đoạn 2011-2020. Báo cáo tổng quan Chương trình cấp Bộ 2011-2012.
- Trần Thị Minh Thi. 2014. *Divorce in Contemporary Viet Nam: A Socio-economic and structural analysis of divorce in the Red River Delta in 2000s*. Social